wán tóng

顽童

noun · naughty child; urchin

Example Sentences

Nà gè wán tóng yòu zài yuàn zi lǐ dǎo luàn le
那个 顽 童 又在 院 子里 捣 乱了。

That naughty child is making trouble in the yard again.

Tā suī rán shì gè wán tóng dàn xīn dì hěn shàn liáng
他虽然是个 顽 童，但心地很 善 良。

Although he is a naughty child, he has a kind heart.

Trace each character, then write the word on your own.

顽 顽 顽 顽 顽 顽 顽 顽 顽 顽 顽
顽 顽

童 童 童 童 童 童 童 童 童 童 童
童 童 童 童